

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN BẮC
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 05 /2021/DS-ST

Ngày: 09 - 8 -2021

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Phước Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Võ Phương Dung

2. Bà Mai Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST- DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST- DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1981 (có mặt).

Bị đơn: Chị Phan Thị Phương T1, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, chị Phạm Thị T trình bày:

Vào đầu năm 2019 chị Phan Thị Phương T1 có đến nhà chị Phạm Thị T để vay số tiền 2.000.000đ để chị T1 trả tiền gì đó, chị T không rõ. Chị T1 hẹn khoảng 02 tháng sẽ trả lại cho chị T số tiền trên. Do là người cùng thôn nên chị T cho chị T1 vay số tiền 2.000.000đ này. Khi vay có viết Giấy vay tiền ngày 30/3/2019, số tiền vay là 2.000.000đ và thời hạn vay từ ngày 30/3/2019 đến 30/5/2019. Tuy nhiên từ ngày đó đến nay mặc dù nhiều lần chị T hỏi chị T1 về số tiền này nhưng chị T1 vẫn không trả cho chị T bất cứ khoản tiền gì. Do vậy, chị T khởi kiện yêu cầu chị Phan Thị Phương T1 phải có trách nhiệm trả cho chị T số tiền đã vay là 2.000.000đ theo “giấy vay tiền” ngày 30/3/2019 và không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn chị Phan Thị Phương T1 đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ

đến Tòa án để ghi lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/4/2021 và ngày 25/5/2021. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 22/6/2021 và niêm yết ngày 24/6/2021 nhưng chị T1 vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại Biên bản không tiến hành tổng đạt trực tiếp được văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T1 ngày 25/5/2021 và các Biên bản xác minh ngày 06/4/2021 do Tòa án thực hiện thì chính quyền địa phương nơi chị T1 cư trú xác nhận chị T1 có đăng ký trường trú tại thôn B, xã B, hiện còn cư trú tại địa phương, có lần cán bộ xã giao các thông báo của Tòa án thì chị T1 có nhận và không chịu ký vào biên bản giao nhận, còn lý do chị T1 không đến Tòa án làm việc thì UBND xã không biết.

Quan điểm của Viện kiểm sát thể hiện: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký luôn tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt nhưng Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn chị Phan Thị Phương T1 phải trả cho nguyên đơn chị T số tiền đã vay là 2.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị T khởi kiện chị Phan Thị Phương T1. Chị Phan Thị Phương T1 cư trú tại thôn B, xã B, huyện Thuận Bắc. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 15/3/2021, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản nợ vay như phân tích về thời điểm vay và thời điểm khởi kiện nêu trên, căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu của chị Phạm Thị T về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.2] Sau khi thông báo việc thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên hòa giải 02 lần và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T1 vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn chị T1 đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là chị Phan Thị Phương T1. Thông báo có ghi rõ yêu cầu của nguyên đơn là chị Phạm Thị T yêu cầu bị đơn chị Phan Thị Phương T1 phải trả số tiền nợ vay là 2.000.000đ và chứng cứ kèm theo là giấy vay tiền lập ngày 30/3/2019. Tuy nhiên, trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), chị T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do chị T cung cấp (khoản 2 điều 92 của BLTTDS).

[2.2] Xét thấy tại Biên bản không tổng được văn bản tố tụng của Tòa án ngày 25/5/2021 tại UBND xã B thể hiện chị T1 thừa nhận có vay của chị T số tiền 2.000.000đ. Đồng thời, cũng thừa nhận chị T nhiều lần đến nhà chị T1 đòi nợ số tiền trên, tuy nhiên do mẹ con chị T có lời lẽ xúc phạm chị nên chị không đồng ý trả nợ. Mặc dù, có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị T1 không đồng ý ký nhận cũng như không đến Tòa án làm việc. Như vậy, có căn cứ xác định chị T1 có vay của chị T số tiền là 2.000.000đ nên yêu cầu khởi kiện của chị T đối với chị T1 có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của HĐXX nên đề nghị của Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phạm Thị T đối với bị đơn là chị Phan Thị Phương T1.

Buộc chị Phan Thị Phương T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Phạm Thị T số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

- Chị Phan Thị Phương T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

- Chị Phạm Thị T không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0021742 ngày

15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt bị đơn, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- CCTHADS huyện Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Phước Trí